

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B22.553/TTQT B22.0307</p>	<p align="center">KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 12/08/2022 Trang (Page): 01/02</p>

1. Tên mẫu : Nước thải nhiễm dầu sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn, vị trí có tọa độ X: 1155847; Y: 441550/ Wastewater
Sample Name contaminated with oil after treatment of Nam Con Son Pipeline Co, location with X coordinates: 1155847; Y: 441550
2. Ngày nhận mẫu : 03/08/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.
Customer Nam Con Son Pipeline Co.
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* Suspended solids	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<7,0)
2. BOD ₅ (20°C)* Biochemical Oxygen Demand	mg/l	TCVN 6001-1:2008	KPH (<3,0)
3. COD Chemical Oxygen Demand	mg/l	SMEWW 5220D:2017	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe) Iron	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017	0,583
5. Chì (Pb)* Lead	mg/l	ASTM-D3559:15	KPH (<0,0100)
6. Kẽm (Zn) Zinc	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017	0,098
7. Thủy ngân (Hg) Mercury	mg/l	TCVN 7877:2008	KPH (<0,0010)
8. Asen (As)* Arsenic	mg/l	ASTM-D2972:15	KPH (<0,0100)
9. Crôm III (Cr ³⁺) Chromium III	mg/l	TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
10. Crôm VI (Cr ⁶⁺) Chromium VI	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)
11. Tổng Nito (T-N)* Nitrogen total	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S ²⁻) Sulfur	mg/l	SMEWW 4500 S ²⁻ -D :2017	KPH (<0,12)
13. Phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	KPH (<0,10)
14. Độ màu Colour	mg/l Pt	TCVN 6185:2015	6,81

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B22.553/TTQT B22.0307</p>	<p align="center">KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 12/08/2022 Trang (Page): 02/02</p>

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
15. Florua (F ⁻) <i>Fluoride</i>	mg/l	SMEWW 4500-F-B&D:2017	KPH (<0,20)
16. Clo dư <i>Chlorine, free</i>	mg/l	TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng <i>Mineral oil</i>	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (<0,3)
18. Nitơ-amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen - aminonium</i>	mg/l	TCVN 5988:1995	KPH (<1,00)
19. Tổng phot pho (T-P)* <i>Phosphorus</i>	mg/l	TCVN 6202:2008	KPH (<0,020)
20. pH		TCVN 6492 : 2011	6,3
21. Đồng (Cu) <i>Copper</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
22. Cadimi (Cd)* <i>Cadmium</i>	mg/l	ASTM-D3557:17	KPH (<0,0023)
23. T-Coliform <i>Coliform organisms</i>	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	75 x 10 ¹
24. Mangan (Mn) <i>Manganese</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
25. Niken (Ni) <i>Nickel</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
26. Xyanua (CN ⁻) <i>Cyanide</i>	mg/l	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)
27. Nhiệt độ <i>Temperature</i>	°C	SMEWW 2550B : 2017	30,7

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h15/ Sample is taken by Center for environmental monitoring and resources at 10.30AM.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1102/TTQTTNMT – DVTV ngày 19/2/2021/ Sample is collected according to contract C-1102 / TTQTTNMT – DVTV dated 19/2/2021.

KPH: Không phát hiện/ Not detected.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Lê Tuấn Kiệt